

Bản án số: **215/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07/6/2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga
2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hồng N**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: đường Đ, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Hồ Hoàng Q**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: đường T, Phường C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Hồ Hoàng Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, bà và ông Q bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp

nhau, do ông Q hay ghen nên dẫn đến thường xuyên cãi vã. Trong cuộc sống, ông Q không phấn đấu để cải thiện cuộc sống, mọi sinh hoạt, tài chính trong gia đình là phần lớn do bà chi trả mọi thứ. Bà và ông Q đã nhiều lần nói chuyện với nhau, ông Q nhiều lần nói sẽ sửa đổi và khắc phục nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Đến tháng 6/2019, bà và ông Q không tìm tiếng nói chung trong cuộc sống, nên bà và ông Q quyết định sống ly thân, không còn chung sống với nhau nữa. Trong khoảng thời gian ly thân, bà và ông Q không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Hiện nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Hoàng Q.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng N và ông Hồ Hoàng Q chung sống với nhau có 01 con chung tên Hồ Ngọc Thiên K, sinh ngày 25/5/2014. Hiện nay, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, nên bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà Phạm Thị Hồng N khai nhận không có.

Bị đơn ông Hồ Hoàng Q đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đề ghi lời khai; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt. Ông Hồ Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị Hồng N; Về con chung: Giao con chung tên Hồ Ngọc Thiên K, sinh ngày 25/5/2014 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng; Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng N và ông Hồ Hoàng Q đã được Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2013 ngày 12/11/2013, bà N yêu cầu ly hôn với ông Q, nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn; Hiện nay, ông Q đang cư trú tại Quận 4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Bà Phạm Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt và ông Hồ Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 128, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2013 cùng lời khai của bà Phạm Thị Hồng N về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng N và ông Hồ Hoàng Q là hôn nhân hợp pháp.

Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông Q phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 6/2019 cho đến nay, bà N và ông Q không còn chung sống với nhau. Mặc dù, kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “...trong quá trình chung sống tại địa phương bà N, ông Q không có phát sinh mâu thuẫn gì ảnh hưởng đến hàng xóm...”. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập ông Q tham gia tố tụng nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho bà N và ông Q cùng nhau khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông Q không còn tha thiết gì cuộc hôn nhân với bà N.

Xét hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Đây là quyền và nghĩa vụ vợ chồng đã được pháp luật ghi nhận. Đối chiếu với cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông Q, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông Q không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân này không có điều kiện xây dựng vun đắp lại tình cảm. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 141, quyển số 01/2014 ngày 09/6/2014 của Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác định bà N và ông Q chung sống với nhau có 01 con chung tên Hồ Ngọc Thiên K, sinh ngày 25/5/2014. Hiện nay, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục con chung và bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “...bà N và ông Q có 01 con chung, hiện nay con chung đang chung sống với bà N...”, để đảm bảo ổn định tâm lý cũng như phù hợp với nguyện vọng của trẻ Hồ Ngọc Thiên K muốn được sống chung với bà N, nên cần giao con chung tên Hồ Ngọc Thiên K, sinh ngày 25/5/2014 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trẻ thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà Phạm Thị Hồng N khai nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Hồng N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng N về việc xin ly hôn với ông Hồ Hoàng Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng N được ly hôn với ông Hồ Hoàng Q.

(theo Giấy chứng nhận kết hôn 128, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2013).

- Về con chung: Giao con chung tên Hồ Ngọc Thiên K, sinh ngày 25/5/2014 cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trẻ thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Hồng N không yêu cầu ông Hồ Hoàng Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Hoàng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông Q không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi

con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà Phạm Thị Hồng N khai nhận không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008512 ngày 27/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Trần Hồng Loan